

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2272/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc bổ sung các quy hoạch tại phụ lục danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 59 của Luật Quy hoạch ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;



Căn cứ Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 80/TTr-SKHĐT ngày 25 tháng 9 năm 2020 (kèm theo Biên bản số 54/BB-HĐTD ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng thẩm định dự toán lập quy hoạch tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch: quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Thời kỳ quy hoạch:

a) Thời kỳ quy hoạch: 2021-2030.

b) Tầm nhìn dài hạn: đến năm 2050.

3. Cơ quan lập quy hoạch: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Tổng dự toán: 73.377.254.000 đồng (đã làm tròn); bằng chữ: bảy mươi ba tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng. Trong đó:

4.1. Chi phí lập nhiệm vụ lập quy hoạch: 827.960.000 đồng (đã được phê duyệt tại Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt dự toán kinh phí nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050).

4.2. Chi phí lập quy hoạch tỉnh: 66.603.891.000 đồng, gồm:

- a) Chi phí trực tiếp lập quy hoạch: 33.448.978.000 đồng;
- b) Chi phí xây dựng và hoàn thiện nội dung đề xuất: 25.124.715.000 đồng;
- c) Chi phí đánh giá môi trường chiến lược: 1.217.073.000 đồng;
- d) Chi phí gián tiếp cho hoạt động lập quy hoạch: 6.813.125.000 đồng, bao gồm các chi phí:
- Chi phí lựa chọn nhà thầu: 177.582.000 đồng;
 - Chi phí tổ chức hội thảo, hội nghị, họp tham vấn, lấy ý kiến: 2.418.944.000 đồng;
 - Chi phí thẩm định quy hoạch: 1.049.800.000 đồng;
 - Chi phí công bố quy hoạch: 790.174.000 đồng;
 - Chi phí khảo sát (bổ sung, nếu có): 1.172.600.000 đồng;
 - Chi phí quản lý chung: 1.204.025.000 đồng.
- 4.3. Chi phí dự phòng: 5.435.524.000 đồng.
- 4.4. Chi phí kiểm toán độc lập và thẩm tra phê duyệt dự toán: 509.879.000 đồng.
- 4.5. Chi tiết nội dung, nhiệm vụ: theo phụ lục kèm theo Quyết định này.
5. Nguồn vốn lập quy hoạch: nguồn vốn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư (chủ đầu tư) chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương:

1. Căn cứ nội dung được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, khẩn trương triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc áp dụng các hạng mục chi phí trong quy hoạch chung và quy hoạch tích hợp theo quy định.
2. Tham mưu cân đối, bố trí vốn để thực hiện lập quy hoạch tỉnh theo đúng quy định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Có trách nhiệm sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *1/10*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (05b);
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, nkguyen.



Nguyễn Đức Chín



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
**CHI TIẾT DỰ TOÁN LẬP QUY HOẠCH TỈNH KIÊN GIANG THỜI
KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
(kèm theo Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

TT	Hạng mục chi phí	Chi phí trước thuế (1000 đồng)	Thuế VAT (10%)	Chi phí sau thuế (1000 đồng)	Chi tiết tại phụ lục
1	2	3	4	5	6
A	CHI PHÍ XÂY DỰNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH	783.160	44.800	827.960	Đã hoàn thành, theo Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 25/9/2019
1	Chi phí cho hoạt động trực tiếp	448.000	44.800	492.800	
2	Chi phí cho hoạt động gián tiếp	335.160		335.160	
B	CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH (1+2+3+4)	60.605.428	5.998.463	66.603.891	Theo các phụ lục chi tiết tại Thuyết minh dự toán chi phí lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
1	Chi phí trực tiếp cho hoạt động lập quy hoạch	30.408.161	3.040.816	33.448.978	
2	Chi phí xây dựng và hoàn thiện nội dung đề xuất	22.840.650	2.284.065	25.124.715	
3	Chi phí đánh giá môi trường chiến lược	1.106.430	110.643	1.217.073	
4	Chi phí gián tiếp cho hoạt động quy hoạch	6.250.187	562.939	6.813.125	
a	Lựa chọn tổ chức tư vấn	161.438	16.144	177.582	
b	Tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến, thuê tư vấn phân biện quy hoạch (chỉ theo thực tế)	2.199.040	219.904	2.418.944	
c	Tổ chức thẩm định quy hoạch	1.010.800	39.000	1.049.800	
d	Công bố quy hoạch (chỉ theo thực tế)	718.340	71.834	790.174	
đ	Chi phí khảo sát (bổ sung, chỉ theo thực tế)	1.066.000	106.600	1.172.600	
e	Chi phí quản lý chung	1.094.569	109.457	1.204.025	

TT	Hạng mục chi phí	Chi phí trước thuế (1000 đồng)	Thuế VAT (10%)	Chi phí sau thuế (1000 đồng)	Chi tiết tại phụ lục
C	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (10%*(1+2+3))	5.435.524		5.435.524	Theo các phụ lục chi tiết tại Thuyết minh dự toán chi phí lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
D	CHI PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN, CHI PHÍ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	480.588	29.291	509.879	
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	187.677		187.677	Theo các phụ lục chi tiết tại Thuyết minh dự toán chi phí lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
2	Chi phí kiểm toán độc lập	292.911	29.291	322.202	Theo các phụ lục chi tiết tại Thuyết minh dự toán chi phí lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
D	TỔNG CHI PHÍ: A+B+C+D	67.304.700	6.072.554	73.377.254	